TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 165/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Lập, ngày 27 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Bích Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Mè, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Ngô Duy H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu Mè, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1947 (Bà Đ là mẹ đẻ anh H)

Địa chỉ: Khu Mè, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2,3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm a, điểm b khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị Bích Đ và anh Ngô Duy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lưu Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Quốc K, sinh ngày 07/12/2007 và Ngô Duy T, sinh ngày 01/3/2013 kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên, anh Hải không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu; Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Đ và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Đ và anh H thỏa thuận:

+ Anh H được quyền trực tiếp sử dụng và sở hữu các tài sản cụ thể như sau: Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 42, địa chỉ thửa đất tại khu Mè, xã Hưng Long, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 643243, Ủy ban nhân dân huyện Yên Lập cấp ngày 26/4/2016, diện tích thửa đất là 1205,2m^2, trong đó: Đất ở 300m^2, đất vườn 905,2m^2. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 78m^2 và bếp xây diện tích 41m^2; 01 Máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 kệ gỗ, 01 tủ 2 buồng bằng gỗ, 01 bộ bàn ghế gỗ và số tiền Việt Nam đồng là 17.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh H được sử dụng và sở hữu là 185.591.160 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, một trăm sáu mươi đồng)

+Anh Ngô Duy H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Lưu Thị Bích Đ số tiền là 61.500.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng) vào ngày 30 tháng 10 năm 2019.

Về công nợ: Chị Đ và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công sức đóng góp: Anh Ngô Duy H có nghĩa vụ thanh toán công sức cho bà Đinh Thị Đ số tiền là 61.500.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày 30 tháng 10 năm 2019.

- Khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận các bên nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị Lưu Thị Bích Đ phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.537.500 đồng tiền án phí chia tài sản chung, tổng số tiền án phí chị Đ phải nộp là 1.612.500đ; Xác nhận chị Lưu Thị Bích Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001021 ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Chị Đ còn phải nộp số tiền án phí là 1.312.500 (Một triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

+ Anh Ngô Duy H phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.565.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 1.640.000 đồng (Một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Hưng Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Xuân Trường